

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ.	
	TG			TG	THAO GIẢNG.	
	DG			DG	DỰ GIỜ ĐỒNG NGHIỆP.	
	NK			NK	TỔ CHỨC DẠY HỌC NGOẠI KHÓA.	
	CN			CN	SINH HOẠT CHỦ NHIỆM ĐẦU TUẦN.	
	DB.CK			DB.CK	DẠY BÙ CHÍNH KHÓA.	
	DB.B2			DB.B2	DẠY BÙ BUỔI HAI.	
HK1	1CK	1	1	CK	TỔNG QUAN CHƯƠNG TRÌNH SINH HỌC THPT	
HK1	2CK	2	2	CK	CÁC CẤP TỔ CHỨC CỦA THỂ GIỚI SỐNG	
HK1	3CK	3	3	CK	CÁC GIỚI SINH VẬT	
HK1	4CK	4	4	CK	CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC VÀ NƯỚC	
HK1	5CK	5	5	CK	CACBOHIDRAT VÀ LIPIT	
HK1	6CK	6	6	CK	PRÔTÊIN	
HK1	7CK	7	7	CK	AXIT NUCLÉIC	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	8KT	8	8	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	9CK	9	9	CK	TẾ BÀO NHÂN SƠ	
HK1	10CK	10	10	CK	TẾ BÀO NHÂN THỰC	
HK1	11CK	11	11	CK	TẾ BÀO NHÂN THỰC (TT)	
HK1	12CK	12	12	CK	VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT QUA Màng sinh chất	
HK1	13TH	13	13	TH	THÍ NGHIỆM CO VÀ PHẢN CO NGUYÊN SINH	
HK1	14KT	14	14	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	15CK	15	15	CK	KHÁI QUÁT VỀ NĂNG LƯỢNG VÀ CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT	
HK1	16CK	16	16	CK	ENZIM VÀ VAI TRÒ CỦA ENZIM TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT	
HK1	17TH	17	17	TH	MỘT SỐ THÍ NGHIỆM VỀ ENZIM	
HK1	18OT	18	18	OT	ÔN TẬP	
HK1	19OT	20	19	OT	ÔN TẬP CÙNG CỔ	
HK2	20CK	21	20	CK	HỖ HẤP TẾ BÀO	
HK2	21CK	22	21	CK	QUANG HỢP	
HK2	22CK	25	22	CK	CHU KÌ TẾ BÀO VÀ QUÁ TRÌNH NGUYÊN PHÂN	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 10 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	23CK	26	23	CK	GIẢM PHẢN	
HK2	24TH	27	24	TH	QUAN SÁT CÁC KỈ CỦA NGUYÊN PHÂN TRÊN TIÊU BẢN RỄ HÀNH	
HK2	25KT	28	25	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	26CK	29	26	CK	DINH DƯỠNG, CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở VI SINH VẬT	
HK2	27TH	30	27	TH	LÊN MEN ÉTILIC VÀ LACTIC	
HK2	28CK	31	28	CK	SINH TRƯỞNG CỦA VI SINH VẬT	
HK2	29CK	32	29	CK	CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG CỦA VI SINH VẬT	
HK2	30TH	33	30	TH	QUAN SÁT MỘT SỐ VI SINH VẬT	
HK2	31KT	34	31	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	32CK	35	32	CK	CHUYÊN ĐỀ VIRUT VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM (T1)	
HK2	33CK	36	33	CK	CHUYÊN ĐỀ VIRUT VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM (T2)	
HK2	34CK	37	34	CK	CHUYÊN ĐỀ VIRUT VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM (T3)	
HK2	35OT	38	35	OT	ÔN TẬP	
HK2	36OT	40	36	OT	ÔN TẬP Củng cố	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự cân đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ.	
	TG			TG	THAO GIẢNG.	
	DG			DG	DỰ GIỜ ĐỒNG NGHIỆP.	
	NK			NK	TỔ CHỨC DẠY HỌC NGOẠI KHÓA.	
	CN			CN	SINH HOẠT CHỦ NHIỆM ĐẦU TUẦN.	
	DB.CK			DB.CK	DẠY BÙ CHÍNH KHÓA.	
	DB.B2			DB.B2	DẠY BÙ BUỔI HAI.	
HK1	1CK	1	1	CK	SỰ HẤP THỤ NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG Ở RỄ	
HK1	1TC	1	1	TC	ADN	
HK1	2CK	2	2	CK	VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG CÂY	
HK1	2TC	2	2	TC	ARN	
HK1	3CK	3	3	CK	THOÁT HƠI NƯỚC	
HK1	3TC	3	3	TC	BÀI TẬP VỀ ADN, ARN (T1)	
HK1	4CK	4	4	CK	CHUYÊN ĐỀ: CÁC NGUYÊN TỐ KHOÁNG VÀ DINH DƯỠNG NITƠ Ở THỰC VẬT (T1)	

Học kỳ	Mã Tham Chiếu	Thứ tự Tuần học	Thứ tự Tiết học	Mã Tiết dạy	Tên Bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	4TC	4	4	TC	BÀI TẬP VỀ ADN, ARN (T2)	
HK1	5CK	5	5	CK	CHUYÊN ĐỀ: CÁC NGUYÊN TỐ KHOÁNG VÀ DINH DƯỠNG NITƠ Ở THỰC VẬT (T2)	
HK1	5TC	5	5	TC	BÀI TẬP VỀ ADN, ARN (T3)	
HK1	6CK	6	6	CK	QUANG HỢP Ở THỰC VẬT	
HK1	6TC	6	6	TC	TẾ BÀO NHÂN SƠ	
HK1	7CK	7	7	CK	QUANG HỢP Ở NHÓM THỰC VẬT C3, C4, CAM	
HK1	7TC	7	7	TC	TẾ BÀO NHÂN THỰC	
HK1	8KT	8	8	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	8TC	8	8	TC	NGUYÊN PHÂN	
HK1	9CK	9	9	CK	ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ NGOẠI CẢNH ĐẾN QUANG HỢP	
HK1	10CK	10	10	CK	QUANG HỢP VÀ NĂNG SUẤT CÂY TRỒNG	
HK1	9TC	10	9	TC	NGUYÊN PHÂN (TT)	
HK1	11CK	11	11	CK	HỖ HẤP Ở THỰC VẬT	
HK1	10TC	11	10	TC	GIẢM PHÂN	
HK1	12TH	12	12	TH	PHÁT HIỆN DIỆP LỤC VÀ CAROTENOIT	
Học kỳ	Mã Tham Chiếu	Thứ tự Tuần học	Thứ tự Tiết học	Mã Tiết dạy	Tên Bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	11TC	12	11	TC	GIẢM PHÂN (TT)	
HK1	13TH	13	13	TH	PHÁT HIỆN HỖ HẤP Ở THỰC VẬT	
HK1	12TC	13	12	TC	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ: DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT (T1)	
HK1	14KT	14	14	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	13TC	14	13	TC	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ: DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT (T2)	
HK1	15CK	15	15	CK	TIÊU HÓA Ở ĐỘNG VẬT	
HK1	14TC	15	14	TC	BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ: DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT (T3)	
HK1	16CK	16	16	CK	TIÊU HÓA Ở ĐỘNG VẬT (TT)	
HK1	15TC	16	15	TC	SỨC KHỎE SINH SẢN, TIỀN HÔN NHÂN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI (T1)	
HK1	17CK	17	17	CK	HỖ HẤP Ở ĐỘNG VẬT	
HK1	16TC	17	16	TC	SỨC KHỎE SINH SẢN, TIỀN HÔN NHÂN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI (T2)	
HK1	18OT	18	18	OT	ÔN TẬP	
HK1	17TC	18	17	TC	SỨC KHỎE SINH SẢN, TIỀN HÔN NHÂN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI (T3)	
HK1	19OT	20	19	OT	ÔN TẬP Củng cố	
HK1	18TC	20	18	TC	SỨC KHỎE SINH SẢN, TIỀN HÔN NHÂN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI (T4)	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	20CK	21	20	CK	TUẦN HOÀN MÁU	
HK2	21CK	21	21	CK	TUẦN HOÀN MÁU (TT)	
HK2	22CK	22	22	CK	CÂN BẰNG NỘI MÔI	
HK2	23TH	22	23	TH	ĐO MỘT SỐ CHỈ TIÊU SINH LÍ Ở NGƯỜI	
HK2	24OT	25	24	OT	ÔN TẬP CHƯƠNG I	
HK2	25CK	25	25	CK	HƯỚNG ĐỘNG	
HK2	26CK	26	26	CK	ỨNG ĐỘNG	
HK2	27TH	26	27	TH	HƯỚNG ĐỘNG	
HK2	28CK	27	28	CK	CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	29CK	27	29	CK	CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT (TT)	
HK2	30KT	28	30	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	31CK	28	31	CK	ĐIỆN THỂ NGHỈ VÀ ĐIỆN THỂ HOẠT ĐỘNG	
HK2	32CK	29	32	CK	SỰ LAN TRUYỀN XUNG THẦN KINH	
HK2	33CK	29	33	CK	TRUYỀN TIN QUA XINAP	
HK2	34CK	30	34	CK	TẬP TÍNH CỦA ĐỘNG VẬT	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	35CK	30	35	CK	TẬP TÍNH CỦA ĐỘNG VẬT (TT)	
HK2	36TH	31	36	TH	XEM PHIM VỀ TẬP TÍNH CỦA ĐỘNG VẬT	
HK2	37CK	31	37	CK	SINH TRƯỞNG Ở THỰC VẬT	
HK2	38CK	32	38	CK	HOOCMON THỰC VẬT	
HK2	39CK	32	39	CK	PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT CÓ HÓA	
HK2	40CK	33	40	CK	SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	41CK	33	41	CK	CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	42TH	34	42	TH	XEM PHIM VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	43KT	34	43	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	44CK	35	44	CK	SINH SẢN VÔ TÍNH Ở THỰC VẬT	
HK2	45CK	35	45	CK	SINH SẢN HỮU TÍNH Ở THỰC VẬT	
HK2	46TH	36	46	TH	NHÂN GIỐNG Ở THỰC VẬT BẰNG GIÂM, CHIẾT, GHEP	
HK2	47CK	36	47	CK	SINH SẢN VÔ TÍNH Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	48CK	37	48	CK	SINH SẢN HỮU TÍNH Ở ĐỘNG VẬT	
HK2	49CK	37	49	CK	CƠ CHẾ ĐIỀU HÒA SINH SẢN	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 11 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	50CK	38	50	CK	ĐIỀU KHIỂN SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT VÀ SINH ĐỀ CÓ KẾ HOẠCH Ở NGƯỜI	
HK2	51OT	38	51	OT	ÔN TẬP	
HK2	52OT	40	52	OT	ÔN TẬP CÙNG CỐ	
HK2	53OT	40	53	OT	ÔN TẬP CÙNG CỐ	

HỌC KỲ	MÃ THAM CHIẾU	THỨ TỰ TUẦN HỌC	THỨ TỰ TIẾT HỌC	MÃ TIẾT DẠY	TÊN BÀI DẠY / NỘI DUNG CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG / GHI CHÚ KHÁC (nếu có)	BỘ MÔN
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
(theo ký hiệu q/ước) Ghi theo nội dung khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT đã có sự căn đối, điều chỉnh thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn						
	KT			KT	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ.	
	TG			TG	THAO GIẢNG.	
	DG			DG	DỰ GIỜ ĐỒNG NGHIỆP.	
	NK			NK	TỔ CHỨC DẠY HỌC NGOẠI KHÓA.	
	CN			CN	SINH HOẠT CHỦ NHIỆM ĐẦU TUẦN.	
	DB.CK			DB.CK	DẠY BÙ CHÍNH KHÓA.	
	DB.B2			DB.B2	DẠY BÙ BUỔI HAI.	
HK1	1CK.TN	1	1	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 1: CƠ CHẾ DI TRUYỀN Ở CẤP ĐỘ PHÂN TỬ (T1)	
HK1	1CK	1	1	CK	GEN, MÃ DI TRUYỀN, QUÁ TRÌNH NHÂN ĐÔI ADN	
HK1	2CK.TN	1	2	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 1: CƠ CHẾ DI TRUYỀN Ở CẤP ĐỘ PHÂN TỬ (T2)	
HK1	2CK	1	2	CK	PHIÊN MÃ, DỊCH MÃ	
HK1	3CK.TN	2	3	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 1: CƠ CHẾ DI TRUYỀN Ở CẤP ĐỘ PHÂN TỬ (T3)	
HK1	3CK	2	3	CK	ĐIỀU HÒA HOẠT ĐỘNG GEN	
HK1	4CK.TN	2	4	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 2: BIẾN DỊ (T1)	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chỉnh khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tư chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHÔI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	4CK	2	4	CK	ĐỘT BIẾN GEN	
HK1	1B2	3	1	B2	BÀI TẬP VỀ GEN, PHIÊN MÃ, DỊCH MÃ (T1)	
HK1	5CK.TN	3	5	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 2: BIẾN DỊ (T2)	
HK1	5CK	3	5	CK	NHIỆM SẮC THỂ VÀ ĐỘT BIẾN CẤU TRÚC NHIỆM SẮC THỂ	
HK1	6CK.TN	3	6	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 2: BIẾN DỊ (T3)	
HK1	6CK	3	6	CK	ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NHIỆM SẮC THỂ	
HK1	2B2	4	2	B2	BÀI TẬP VỀ GEN, PHIÊN MÃ, DỊCH MÃ (T2)	
HK1	7TH.TN	4	7	TH.TN	QUAN SÁT CÁC DẠNG ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NST TRÊN TIỂU BÀN	
HK1	7TH	4	7	TH	QUAN SÁT CÁC DẠNG ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NST TRÊN TIỂU BÀN	
HK1	8BT.TN	4	8	BT.TN	BÀI TẬP CHƯƠNG I	
HK1	8BT	4	8	BT	BÀI TẬP CHƯƠNG I	
HK1	3B2	5	3	B2	BT ĐỘT BIẾN GEN (T1)	
HK1	9CK.TN	5	9	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T1)	
HK1	9CK	5	9	CK	QUY LUẬT PHÂN LI	
HK1	10CK.TN	5	10	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T2)	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chỉnh khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tư chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHÔI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	10CK	5	10	CK	QUY LUẬT PHÂN LI ĐỘC LẬP	
HK1	4B2	6	4	B2	BT ĐỘT BIẾN GEN (T2)	
HK1	11CK.TN	6	11	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T3)	
HK1	11CK	6	11	CK	TƯƠNG TÁC GEN VÀ TÁC ĐỘNG ĐA HIỆU CỦA GEN	
HK1	12CK.TN	6	12	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T4)	
HK1	12CK	6	12	CK	LIÊN KẾT GEN VÀ HOÁN VỊ GEN	
HK1	5B2	7	5	B2	BT ĐỘT BIẾN NST (T1)	
HK1	13CK.TN	7	13	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T5)	
HK1	13CK	7	13	CK	DI TRUYỀN LIÊN KẾT GIỚI TÍNH VÀ DI TRUYỀN NGOÀI NHÂN	
HK1	14CK.TN	7	14	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 3: QUY LUẬT DI TRUYỀN (T6)	
HK1	14CK	7	14	CK	ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG LÊN SỰ BIỂU HIỆN CỦA GEN	
HK1	6B2	8	6	B2	BT ĐỘT BIẾN NST (T2)	
HK1	15TH.TN	8	15	TH.TN	LAI GIỐNG	
HK1	15TH	8	15	TH	LAI GIỐNG	
HK1	16BT.TN	8	16	BT.TN	BÀI TẬP CHƯƠNG II	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	16BT	8	16	BT	BÀI TẬP CHƯƠNG II	
HK1	17KT	9	17	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	18CK	9	18	CK	CẤU TRÚC DI TRUYỀN CỦA QUẦN THỂ	
HK1	7B2	10	7	B2	BT QUY LUẬT MENĐEN (T1)	
HK1	17CK.TN	10	17	CK.TN	CẤU TRÚC DI TRUYỀN CỦA QUẦN THỂ	
HK1	18CK.TN	10	18	CK.TN	CẤU TRÚC DI TRUYỀN CỦA QUẦN THỂ (TT)	
HK1	19CK	10	19	CK	CẤU TRÚC DI TRUYỀN CỦA QUẦN THỂ (TT)	
HK1	20CK	10	20	CK	CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI VÀ CÂY TRỒNG DỰA TRÊN NGUỒN BIẾN DỊ TỔ HỢP.	
HK1	8B2	11	8	B2	BT QUY LUẬT MENĐEN (T2)	
HK1	19CK.TN	11	19	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 4: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN (T1)	
HK1	20CK.TN	11	20	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 4: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN (T2)	
HK1	21CK	11	21	CK	TẠO GIỐNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GÂY ĐỘT BIẾN VÀ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO	
HK1	22CK	11	22	CK	TẠO GIỐNG NHỜ CÔNG NGHỆ GEN	
HK1	9B2	12	9	B2	BT TƯƠNG TÁC GEN VÀ TÁC ĐỘNG ĐA HIỆU (T1)	
HK1	21CK.TN	12	21	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 4: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN (T3)	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	22CK.TN	12	22	CK.TN	DI TRUYỀN Y HỌC	
HK1	23CK	12	23	CK	DI TRUYỀN Y HỌC	
HK1	24CK	12	24	CK	BẢO VỆ VỐN GEN CỦA LOÀI NGƯỜI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA DI TRUYỀN HỌC	
HK1	10B2	13	10	B2	BT TƯƠNG TÁC GEN VÀ TÁC ĐỘNG ĐA HIỆU (T2)	
HK1	23CK.TN	13	23	CK.TN	BẢO VỆ VỐN GEN CỦA LOÀI NGƯỜI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI CỦA DI TRUYỀN HỌC	
HK1	24KT	13	24	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	25KT	13	25	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK1	26CK	13	26	CK	CÁC BẰNG CHỨNG TIẾN HÓA	
HK1	11B2	14	11	B2	BT LIÊN KẾT GEN VÀ HOÁN VỊ GEN (T1)	
HK1	25CK.TN	14	25	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T1)	
HK1	26CK.TN	14	26	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T2)	
HK1	27CK	14	27	CK	HỌC THUYẾT LAMAC VÀ HỌC THUYẾT ĐACUYN	
HK1	28CK	14	28	CK	HỌC THUYẾT TIẾN HÓA TỔNG HỢP HIỆN ĐẠI	
HK1	12B2	15	12	B2	BT LIÊN KẾT GEN VÀ HOÁN VỊ GEN (T2)	
HK1	27CK.TN	15	27	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T3)	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	28CK.TN	15	28	CK.TN	CHUYỂN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T4)	
HK1	29CK	15	29	CK	LOÀI	
HK1	30CK	15	30	CK	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LOÀI	
HK1	13B2	16	13	B2	BT DI TRUYỀN LIÊN KẾT VỚI GIỚI TÍNH VÀ DI TRUYỀN NGOÀI NHÂN (T1)	
HK1	29CK.TN	16	29	CK.TN	CHUYỂN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T5)	
HK1	30CK.TN	16	30	CK.TN	CHUYỂN ĐỀ 5: TIẾN HÓA (T6)	
HK1	31CK	16	31	CK	NGUỒN GỐC SỰ SỐNG	
HK1	32CK	16	32	CK	SỰ PHÁT TRIỂN CỦA SINH GIỚI QUA CÁC ĐẠI ĐỊA CHẤT	
HK1	14B2	17	14	B2	BT DI TRUYỀN LIÊN KẾT VỚI GIỚI TÍNH VÀ DI TRUYỀN NGOÀI NHÂN (T2)	
HK1	31CK.TN	17	31	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ: PHÁT SINH SỰ SỐNG (T1)	
HK1	32CK.TN	17	32	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 6: PHÁT SINH SỰ SỐNG (T2)	
HK1	33CK	17	33	CK	SỰ PHÁT SINH LOÀI NGƯỜI	
HK1	34CK	17	34	CK	BÀI TẬP PHẦN DI TRUYỀN HỌC	
HK1	15B2	18	15	B2	BT DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ (T1)	
HK1	33CK.TN	18	33	CK.TN	CHUYÊN ĐỀ 6: PHÁT SINH SỰ SỐNG (T3)	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK1	34BT	18	34	BT	BÀI TẬP	
HK1	35CK	18	35	CK	ÔN TẬP	
HK1	36CK	18	36	CK	ÔN TẬP	
HK1	16B2	20	16	B2	BT DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ (T2)	
HK1	35OT	20	35	OT	ÔN TẬP CÙNG CỔ	
HK1	36OT	20	36	OT	ÔN TẬP CÙNG CỔ	
HK2	17B2	21	17	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T1)	
HK2	18B2	21	18	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T2)	
HK2	37CK	21	37	CK	MÔI TRƯỜNG SỐNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI	
HK2	19B2	22	19	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T3)	
HK2	20B2	22	20	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T4)	
HK2	38CK	22	38	CK	QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CÁ THỂ TRONG QUẦN THỂ	
HK2	21B2	25	21	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T5)	
HK2	22B2	25	22	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T6)	
HK2	39CK	25	39	CK	CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	23B2	26	23	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở THỰC VẬT (T1)	
HK2	24B2	26	24	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T1)	
HK2	40CK	26	40	CK	CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT (TT)	
HK2	25B2	27	25	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T2)	
HK2	26B2	27	26	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T3)	
HK2	41CK	27	41	CK	BIẾN ĐỘNG SỐ LƯỢNG CÁ THỂ CỦA QUẦN THỂ SINH VẬT	
HK2	27B2	28	27	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T4)	
HK2	28B2	28	28	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T5)	
HK2	42KT	28	42	KT	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	43CK	29	43	CK	QUẦN XÃ SINH VẬT VÀ MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUẦN XÃ	
HK2	29B2	30	29	B2	CHUYỂN HÓA VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG Ở ĐỘNG VẬT (T6)	
HK2	30B2	30	30	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T1)	
HK2	44CK	30	44	CK	DIỄN THỂ SINH THÁI	
HK2	31B2	31	31	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T2)	
HK2	32B2	31	32	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T3)	
Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.	<Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.	Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;	CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt C/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	45CK	31	45	CK	HỆ SINH THÁI	
HK2	33B2	32	33	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T4)	
HK2	34B2	32	34	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T5)	
HK2	46CK	32	46	CK	TRAO ĐỔI VẬT CHẤT TRONG HỆ SINH THÁI	
HK2	35B2	33	35	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T6)	
HK2	36B2	33	36	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T7)	
HK2	47CK	33	47	CK	KIỂM TRA 1 TIẾT	
HK2	37B2	34	37	B2	BÀI TẬP CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN (T8)	
HK2	38B2	34	38	B2	BÀI TẬP DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ (T1)	
HK2	48CK	34	48	CK	CHU TRÌNH SINH ĐỊA HÓA VÀ SINH QUYỂN	
HK2	39B2	35	39	B2	BÀI TẬP DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ (T2)	
HK2	40B2	35	40	B2	BÀI TẬP DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ (T3)	
HK2	49CK	35	49	CK	DÒNG NĂNG LƯỢNG TRONG HỆ SINH THÁI VÀ HIỆU SUẤT SINH THÁI	
HK2	41B2	36	41	B2	ÔN TẬP PHẦN TIẾN HÓA (T1)	
HK2	42B2	36	42	B2	ÔN TẬP PHẦN TIẾN HÓA (T2)	

Học kỳ	Mã tham chiếu	Thứ tự tuần học	Thứ tự tiết học	Mã tiết dạy	Tên bài dạy / Nội dung chủ đề hoạt động / Ghi chú khác (nếu có)	Bộ môn
<i>HK1: từ tuần 01 đến hết 20 ; HK2: từ tuần 21 đến kết thúc năm học.</i>	<i><Thứ tự tiết><mã tiết dạy>; (không khoảng trắng)</i>	<i>Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 liên tục theo biên chế năm học.</i>	<i>Nhập dạng ký tự số: 1, 2, 3, ...; Lưu ý: Đánh thứ tự từ 1 tương ứng với mỗi mã tiết dạy theo PPCT của môn học;</i>	<i>CK: chính khóa; BT/TH: bài tập / thực hành; TC: tự chọn; B2: buổi hai; OT: ôn tập; KT: Kiểm tra; CN: sinh hoạt c/nhiệm; TG: thao giảng; DG: dự giờ; NK: ngoại khóa; DB: dạy bù;</i>	KHUNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY KHỐI LỚP 12 (CƠ BẢN)	SINH HỌC
HK2	50TH	36	50	TH	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	
HK2	43B2	37	43	B2	ÔN TẬP PHẦN SINH THÁI (T1)	
HK2	44B2	37	44	B2	ÔN TẬP PHẦN SINH THÁI (T2)	
HK2	51CK	37	51	CK	ÔN TẬP PHẦN TIẾN HÓA VÀ SINH THÁI HỌC	
HK2	45B2	38	45	B2	ÔN TẬP	
HK2	46B2	38	46	B2	ÔN TẬP	
HK2	52CK	38	52	CK	ÔN TẬP - BÀI TẬP	
HK2	53OT	40	53	OT	ÔN TẬP CÙNG CỐ	